

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Quyên

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
VŨ NHẬT MINH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Quyên

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Quyên

Mã SV:1312401014

Lớp: QT 1703K

Ngành:Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Vũ Thị Quyên** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	3
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.....	4
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	4
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua...	5
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	6
1.2.4. Sơ đồ các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán.....	9
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	9
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	9
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	10
1.3.4. Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán	13
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	14
1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán.....	14
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ	15
1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.....	16
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung	16
1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	18
1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	20
1.5.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	22
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH	24
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	24
2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.	24
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	25
2.1.3. Công tác kế toán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	27
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	27
2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	28
2.1.3.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	29

2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	31
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	31
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	31
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	31
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh	49
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH	69
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	70
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán.....	71
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	71
3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh	72
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng (theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC)	8
Sơ đồ 1.2 : Trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán (theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC)	13
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung	17
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	19
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	21
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy	23
Sơ đồ 2.1:Bộ máy quản lý của công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	26
Sơ đồ 2.2:Sơ đồ bộ máy kế toán.	27
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.	30
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	33
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	50

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 000322.....	35
Biểu số 2.2: Giấy báo có ngân hàng.....	37
Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng.....	39
Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000328.....	41
Biểu số 2.5: Giấy báo có ngân hàng.....	43
Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	44
Biểu số 2.7 : Trích sổ cái tài khoản 131.....	45
Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty TNHH HOÀNG CƯỜNG)	46
Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Mở cho công ty TNHH NAM ANH)	47
Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua	48
Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000455	52
Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	54
Biểu số 2.13: Ủy nhiệm chi.....	55
Biểu số 2.14: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	57
Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi.....	58
Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 0000680	60
Biểu số 2.17: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	62
Biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi.....	63
Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho công ty cổ phần Thép AB)	64
Biểu số 2.20: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền)	65
Biểu số 2.23: Trích sổ cái tài khoản 331.....	68
Biểu số 2.22: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	67
Biểu số 2.21: Bảng tổng hợp phải trả người bán	66

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đối với bất kỳ nền kinh tế nào, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt để thực hiện tốt việc quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nghiệp vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất.

Và bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán hàng.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán gắn liền với quá trình mua và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,.. nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán, ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng cao hơn. Kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và giới hạn rủi ro trong thanh toán,... Trong quá trình hoàn thiện để có thể thích nghi với những thay đổi đó, kế toán chịu trách nhiệm sẽ gặp phải không ít khó khăn, đây là điều không thể tránh khỏi.

Quá trình tìm hiểu về mặt lý luận tại trường cũng như học thực tế trong quá trình giúp đỡ, chỉ bảo của ThS. Nguyễn Văn Thụ em đã nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa nêu trên nên đã mạnh dạn đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu, nắm vững, tổng hợp những cơ sở lý luận của kế toán phải thu, phải trả nói chung và phải thu khách hàng, phải trả người bán nói riêng nhằm điều chỉnh tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

- Thu thập, đánh giá được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại chi nhánh công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

- Qua quá trình nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng công tác kế toán thanh toán có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại chi nhánh công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

➤ **Đối tượng nghiên cứu:** Công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

➤ **Phạm vi nghiên cứu:**

- Về không gian: tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

- Về thời gian: số liệu phân tích được lấy năm 2016

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương :

Chương 1 : Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – ThS. Nguyễn Văn Thụ, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều , xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này .

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Khái niệm thanh toán : Thanh toán đơn giản là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên (người hoặc công ty, tổ chức) sang một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

** Về phương thức thanh toán, có hai phương thức thanh toán chủ yếu:*

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản,...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

** Về hình thức thanh toán, thông thường có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.*

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Hình thức này thường được áp dụng đối với giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay được áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp.

- Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt: Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán. Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của các đơn vị này sang đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ.

+ Phương thức thanh toán ủy nhiệm chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

+ Phương thức nhờ thu phiếu trơn: là phương thức thanh toán mà người bán ký phát hối phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu từ người mua, không gửi kèm theo bất cứ một chứng từ nào. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

+ Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ: là phương thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

+ Phương thức tín dụng chứng từ: là phương thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.

- Đối với các khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Cần phải phân loại các khoản phải thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng nhất là những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng bán hàng.
- Hóa đơn GTGT(hay hóa đơn bán hàng) do doanh nghiệp lập.
- Phiếu xuất kho .
- Phiếu thu.
- Giấy báo có Ngân hàng.
- Biên bản bù trừ công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của Doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước cho khách hàng;
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (Có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

+ **Số Dư Bên Nợ:**

- Số tiền còn phải thu của khách hàng.

+ **Số Dư Bên Có (nếu có):**

- Phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131,...

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

1) *Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư xuất bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ. Kế toán ghi số tiền phải thu của khách hàng nhưng chưa thu:*

- Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, kế toán ghi:

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

- Đối với hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo tổng giá thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng.

2) *Trường hợp giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại :*

- Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ :

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại , giảm giá hàng bán , hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

- Đối với hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá , chiết khấu, kế toán ghi:

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại , giảm giá hàng bán , hàng bán bị trả lại

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng.

3) *Nhận được tiền do khách hàng trả (Kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có) liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung cấp, ghi:*

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

4) *Nhận tiền ứng trước, trả trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:*

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

5) *Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (Theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (Tính theo giá hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:*

Nợ TK 152, 153, 156 : NVL, công cụ dụng cụ, hàng hóa

Nợ TK 611 - Mua hàng (Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

6) *Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ.*

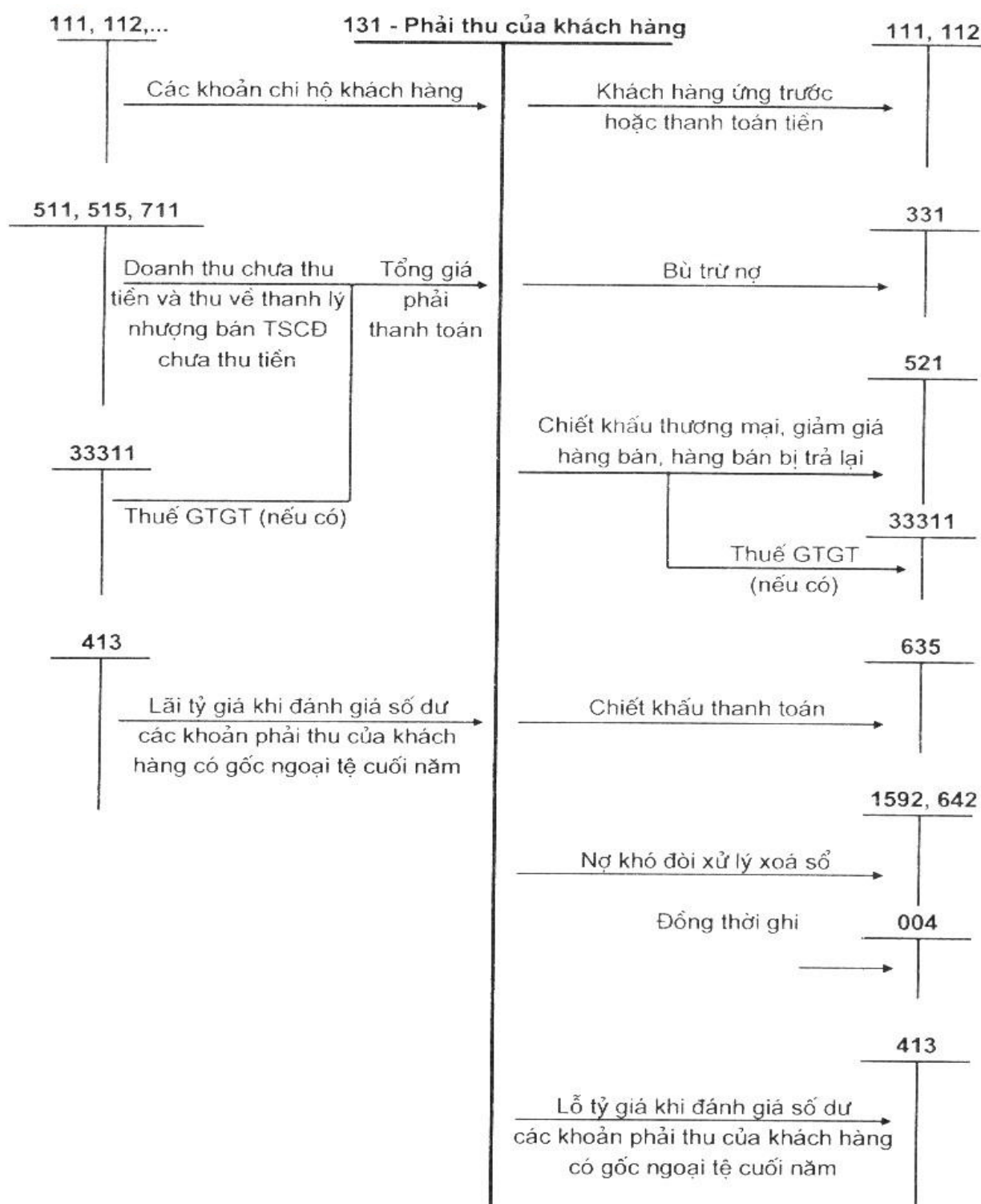
Căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (Số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

1.2.4 Sơ đồ các nghiệp vụ thanh toán với người mua



Sơ đồ 1.1 : Trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng (theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.
- Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.
- Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.
- Đối với các khoản phải trả phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.
- Cần phải phân loại các khoản phải trả khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng để có kế hoạch thanh toán phù hợp.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

***Chứng từ sử dụng:**

- Các chứng từ về mua hàng gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập.
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

*** Tài khoản và sổ sách sử dụng**

➤ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

+ **Bên Nợ:**

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

+ **Bên Có:**

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ ;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

+ **Số dư bên Có:**

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.
- Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ, số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán;
- Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112,...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

1) *Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền cho người bán về nhập kho, hoặc gửi đi bán thẳng không qua kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152,153,156 : Giá chưa có thuế GTGT

Nợ TK 611 - Giá chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Tổng giá thanh toán

Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào bao gồm cả thuế GTGT, phản ánh:

Nợ TK 152,153,156 : Tổng giá thanh toán

Nợ TK 611 - Tổng giá thanh toán

Có TK 331 - Tổng giá thanh toán

2) *Mua TSCĐ chưa trả tiền cho người bán đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hoá đơn của người bán, biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan, trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:*

Nợ TK 211, 213 - Giá chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 331 - Tổng giá thanh toán

3) *Sử dụng dịch vụ cung cấp (điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán, giá trị dịch vụ mua vào sẽ gồm cả thuế GTGT, hoặc không bao gồm thuế GTGT đầu vào - tùy theo phương pháp xác định thuế GTGT phải nộp, phản ánh:*

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Nợ các TK 623, 627, 642, 635, 811

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán

4) Khi thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, phản ánh:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có các TK : 111, 112, 311, 341, . . .

5) Trường hợp ứng trước tiền cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, phản ánh:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có các TK : 111, 112, . . .

6) Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, phản ánh:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính.

7) Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào đã nhập kho, phải trả lại do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán và trường hợp người bán chấp thuận giảm giá cho số vật tư, hàng hoá doanh nghiệp đã mua vì không đúng quy cách, phẩm chất và hàng hoá vẫn còn trong kho, phản ánh:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có các TK : 152, 153, 156, . . . (Giá trị được giảm giá)

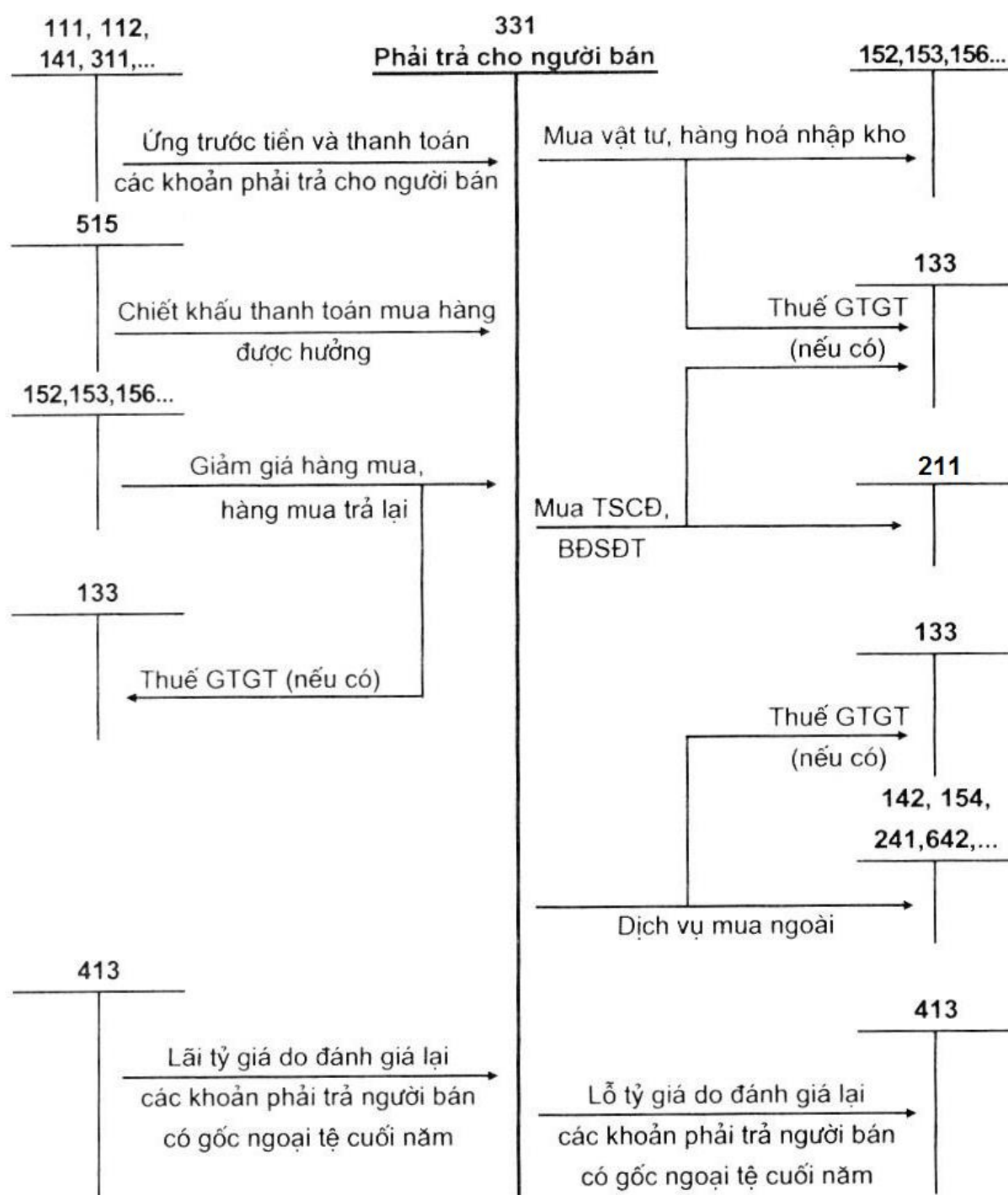
Có TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

8) Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, phản ánh:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 711 : Thu nhập khác.

1.3.4. Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán



Sơ đồ 1.2 : Trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán (theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán

Tỷ giá (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

❖ Quy định về sử dụng tỷ giá :

Tỷ giá ghi sổ gồm: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình dân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh : Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ , được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán

❖ Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế , tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

a. Tài khoản sử dụng

- 131 - Phải thu khách hàng
- 331 - Phải trả người bán
- 635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán , kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ - (tỷ giá thực tế)

Có TK 511 : Tỷ giá thực tế

Có TK 3331 Tỷ giá thực tế

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ , ghi:

Nợ TK 111(1112),112(1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 : Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ , ghi:

Nợ các TK 111(1112),112(1122) : Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 : Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái.

Có TK 131, 136, 138 : Tỷ giá ghi sổ kế toán

c. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

+ Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 211 : tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 : VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá thực tế)

+ Khi thanh toán :

Nếu phát sinh lỗ tỷ giá

- Nợ TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 : nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK 111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá xuất quỹ.

Nếu phát sinh lãi tỷ giá

- Nợ TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá xuất quỹ .

Có TK 515 : nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

1.5.Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

Sổ kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp đối ứng tài khoản, là phương tiện vật chất chủ yếu để người làm công tác kế toán ghi chép phản ánh, hệ thống hóa số liệu kế toán trên cơ sở các chứng từ gốc và các loại tài liệu khác để cung cấp thông tin phục vụ quản lý. Xét theo chức năng thì sổ kế toán gồm:

- Sổ nhật ký dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian.

- Sổ cái dùng để tập hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên sổ nhật ký vào các tài khoản tương ứng.

- Để phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp còn sử dụng sổ kế toán chi tiết và tổng hợp.

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp mỗi đơn vị có thể mở và sử dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;

- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;

- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.5.1. Hình thức Nhật ký chung

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ, loại hình hoạt động đơn giản, trình độ cán bộ kế toán và cán bộ quản lý ở mức độ khá. Dễ vận dụng tin học trong công tác kế toán.

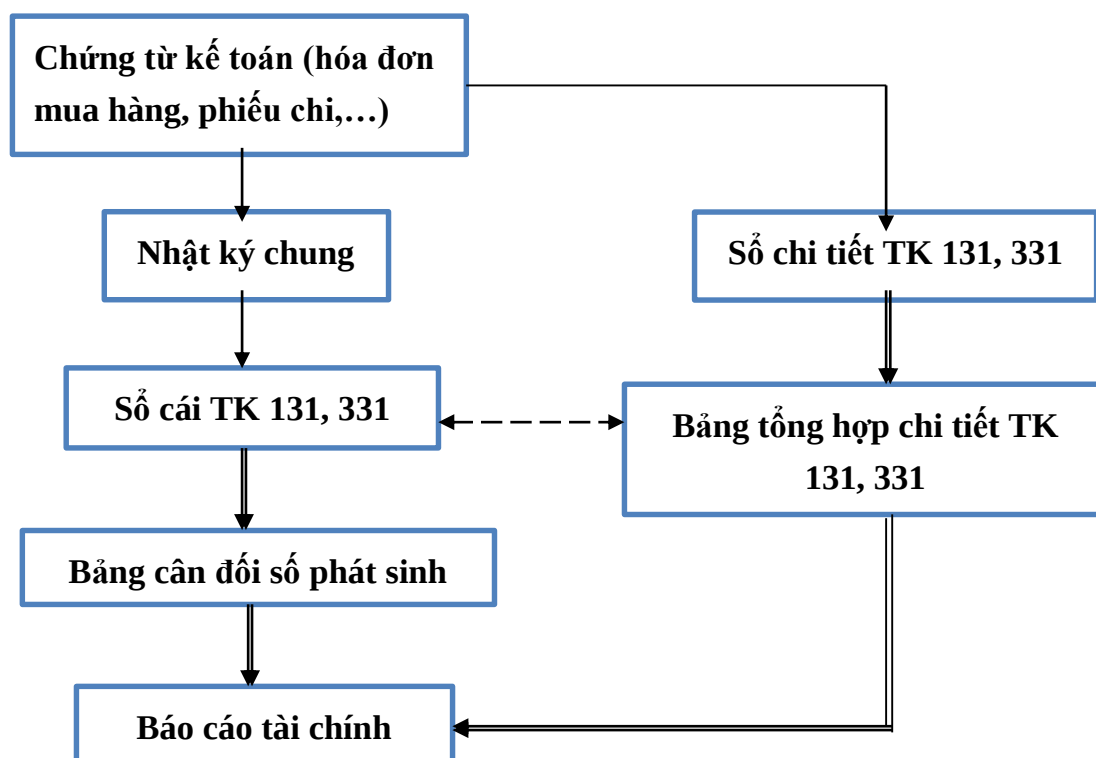
Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật kí chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

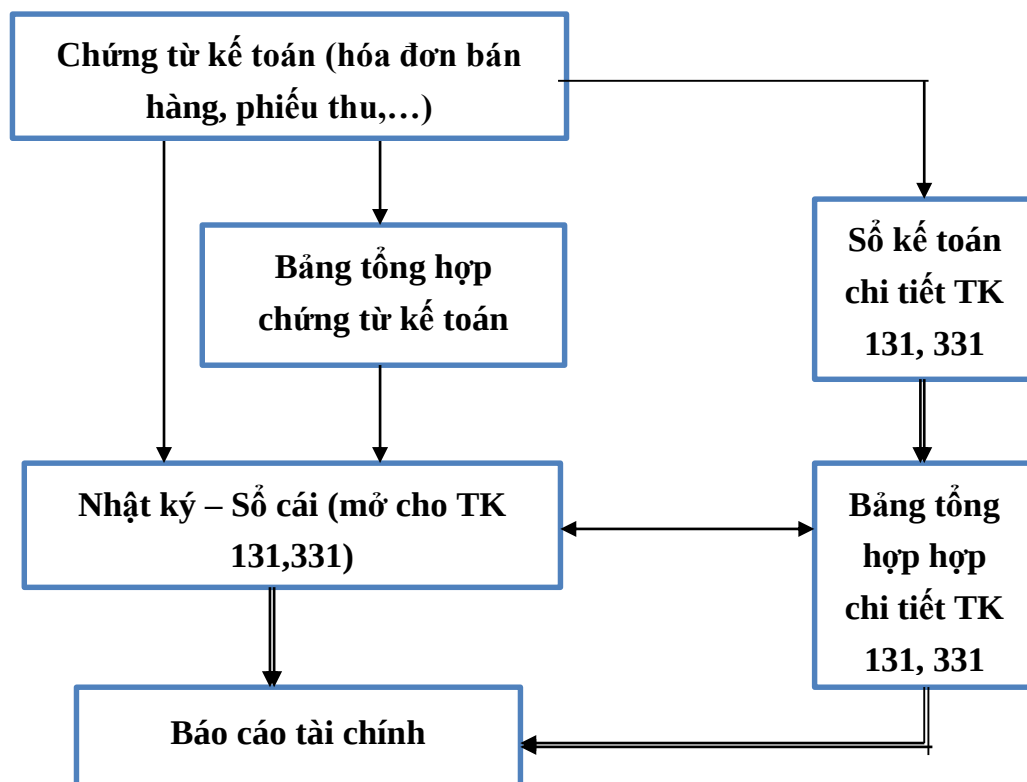
Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, trình độ cán bộ quản lý và cán bộ kế toán không cao.

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

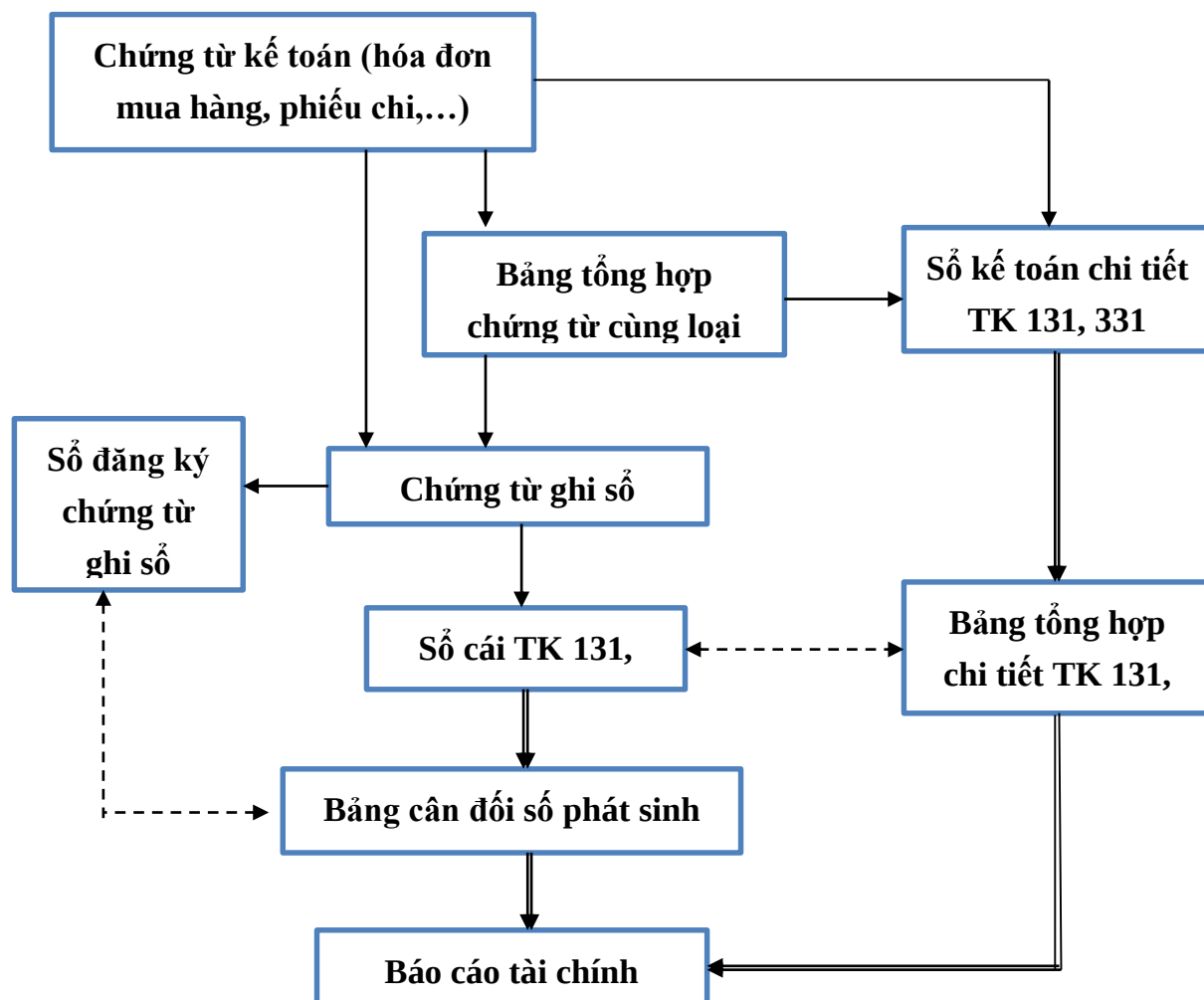
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

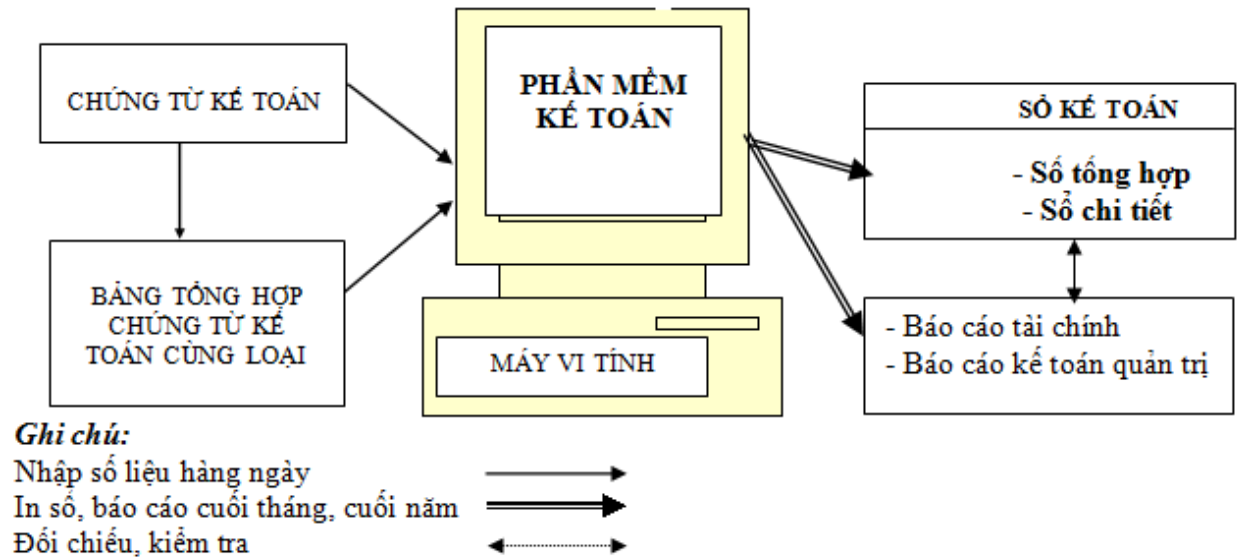
Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Tên công ty: **Công ty TNHH Vũ Nhật Minh**

Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200992014

Số điện thoại: 0313 530 966

❖ **Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh được thành lập vào 23/07/2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 200992014 do sở KH & ĐT Hải Phòng phê duyệt.

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh là doanh nghiệp tư nhân, được tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được phép mở tài khoản tại ngân hàng, có quyền quyết định các vấn đề trong quá trình kinh doanh của công ty theo khuôn khổ Việt Nam.

- Công ty có điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Công ty chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua sự hình và phát triển của công ty TNHH Vũ Nhật Minh đã và đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về uy tín cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như khai thác tối đa tiềm năng sẵn có của công ty mình.

2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

Nắm được nhu cầu phát triển không ngừng của xã hội Công ty luôn tìm hướng kinh doanh đa dạng ngành nghề kinh doanh mới cho mình. Không tập

trung quá sâu vào một ngành mà Công ty đã đa dạng nhiều ngành nhưng không vì thế mà lỏng lẻo trong công tác quản lý. Công ty TNHH Vũ Nhật Minh là đơn vị kinh doanh các mặt hàng cơ khí xây dựng. Ngành nghề chính của công ty là:

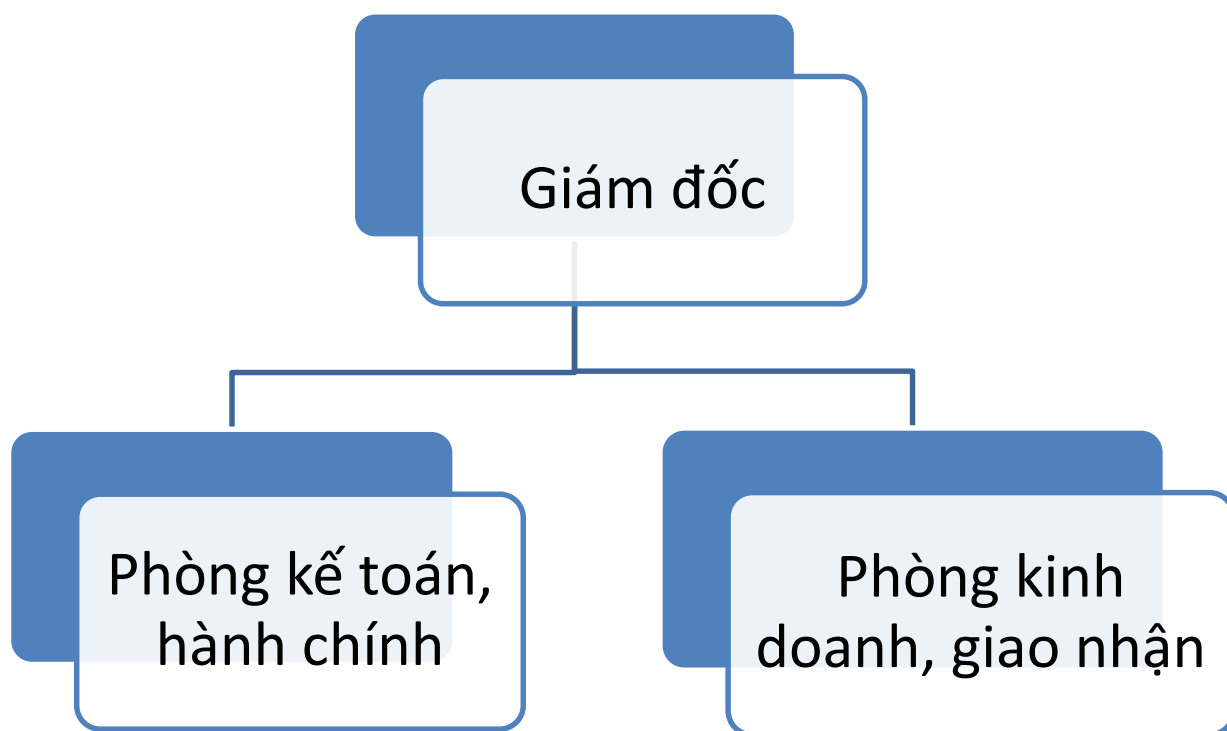
- Kinh doanh cơ khí như: các thiết bị máy móc chế tạo cơ khí, công cụ cầm tay...
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng như: Gỗ xẻ nan, sắt hình(U,I,V), đá, cát, base...
 - Dịch vụ sửa chữa bảo trì như: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị cơ khí cầm tay và máy móc lớn...
 - Dịch vụ khác như: Chế tạo kết cấu thép, cung cấp thiết bị điện, hệ thống đường ống...
- Một vài công trình mà công ty cung cấp vật liệu:
- Cung cấp thiết bị cơ khí chính xác, cập nhật và cải tiến máy móc thiết bị cho khu công nghiệp Trảng Duệ Hải Phòng.
 - Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí cho tổng công ty cổ phần VINA BINGO.
 - Cung cấp thiết bị chịu lực và dầu bôi trơn cho công ty TNHH VOSCO.
 - Mua sắm thép xây dựng và thép phế liệu của dự án cầu Nhật Tân- IHI Infrastructure Asia Co., Ltd.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ giám đốc đến các phòng ban để thực hiện việc điều hành quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bộ máy quản lý điều hành sản xuất kinh doanh gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

• **Chức năng bộ máy quản lý của công ty**

Giám đốc là người có quyền hành cao nhất trong công ty. Giám đốc chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty, từ việc xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện đến việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và lựa chọn các phương án và huy động

- Phòng kế toán, hành chính: Quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và đánh giá đúng, trung thực nhất về tài chính của công ty, nhằm đánh giá, tham mưu trong vấn đề quản lý, kinh doanh cho Ban giám đốc.
 - + Chịu trách nhiệm toàn bộ thu chi tài chính của Công ty
 - + Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.
 - + Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.
 - + Mở sổ sách, lưu trữ các chứng từ có liên quan đến việc giao nhận.
 - + Cập nhật phản ánh kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, thường xuyên đối chiếu và xử lý kịp thời các sai sót kế toán.
- Phòng kinh doanh, giao nhận:

Giúp giám đốc hoạch định chiến lược kinh doanh của công ty . Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu... đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng

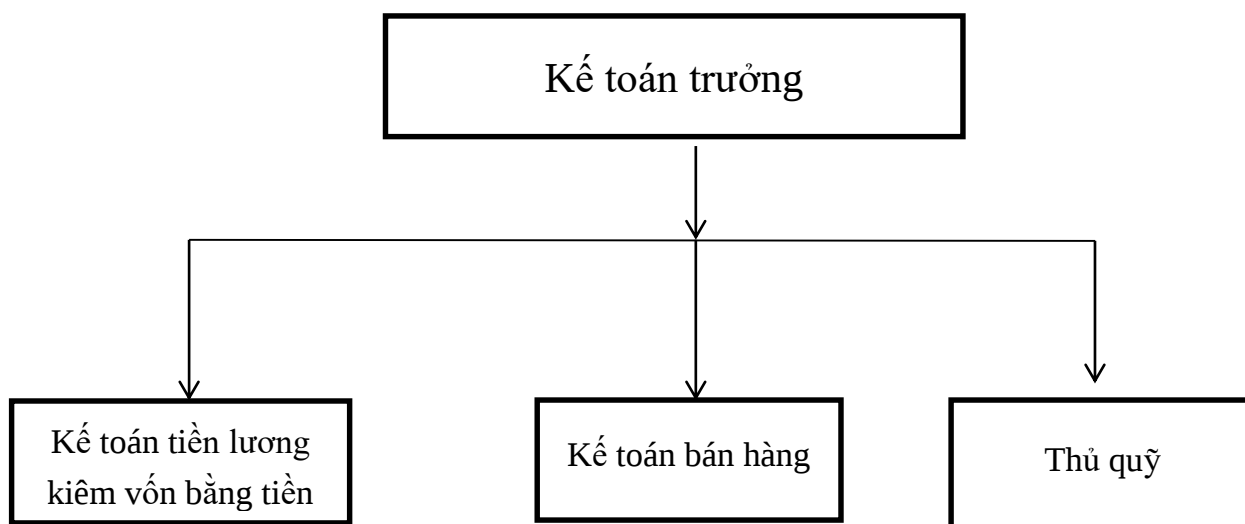
Với đặc thù là công ty thương mại nên việc giao hàng đúng hạn , đúng mẫu mã chất lượng là việc vô cùng quan trọng. Vì vậy phòng giao nhận luôn có người túc trực và sẵn sàng đi lấy hàng và giao hàng bất cứ khi nào khách yêu cầu.

2.1.3. Công tác kế toán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.



***Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên**

+ Kế toán trưởng

- Là người chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện hướng dẫn công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng nhiệm vụ chỉ đạo chung đối với mọi hoạt động của bộ máy kế toán trong công ty, bao gồm

các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên tham mưu giúp cho ban giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Từ đó đề ra biện pháp xử lý.

+ **Kế toán bán hàng:**

Theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hoá, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất, tồn kho hàng hoá. Theo dõi doanh thu, giá vốn và xác định kết quả kinh doanh.

+ **Kế toán vốn bằng tiền kiêm kế toán tiền lương:**

Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định, thanh toán số lương phải trả cho từng người.

+ **Thủ quỹ:**

Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.

2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

- **Niên độ kế toán** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/01 cùng năm.
- **Đơn vị tiền tệ** sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- **Phương pháp khấu hao:** Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ.
- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.3.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

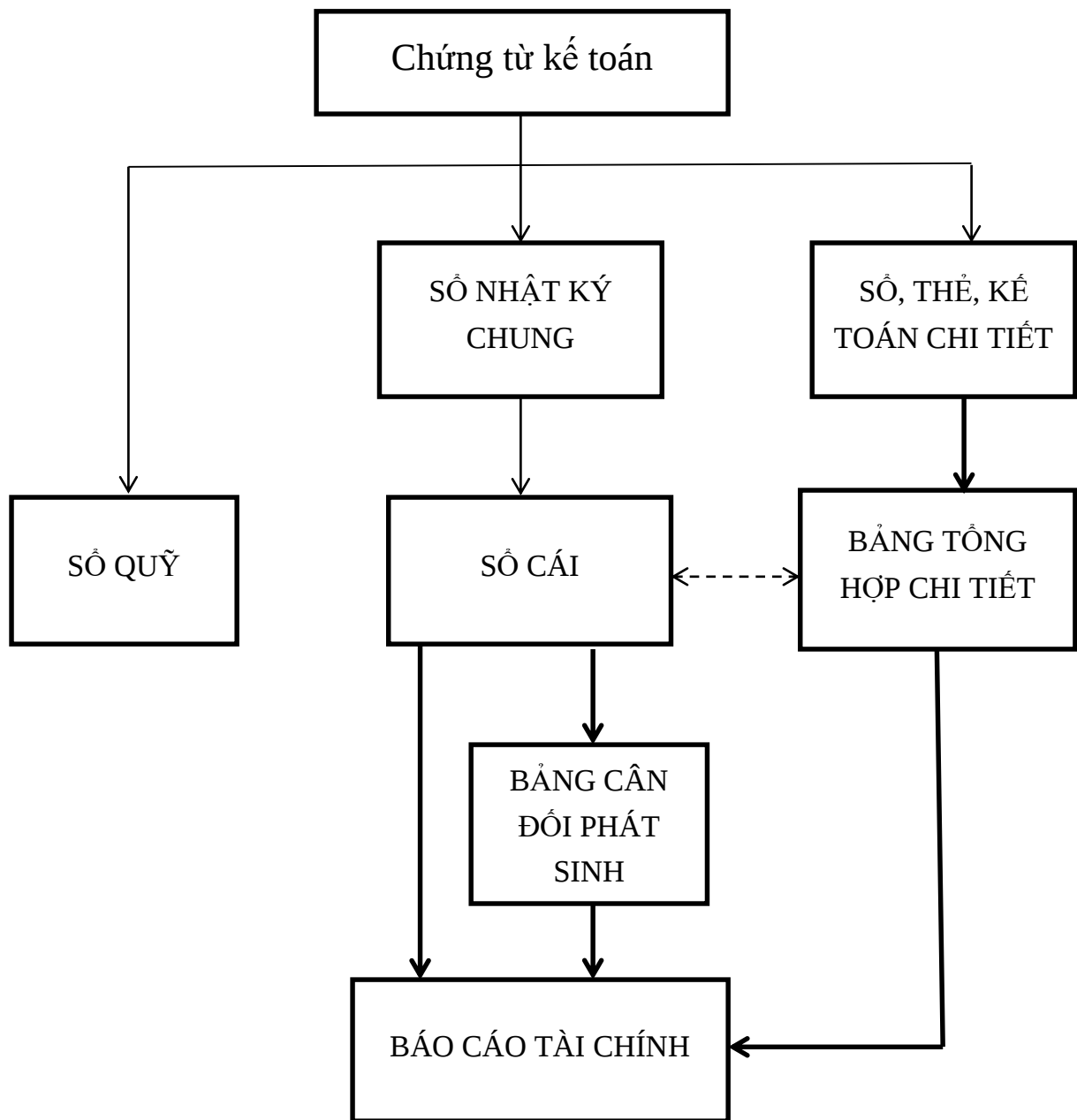
- Là một đơn vị kinh doanh với quy mô vừa và nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán:” Nhật ký chung”.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 511, 515, 111, 112, 131,331, 632, 911.....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK131,156.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối kỳ: —————→

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sổ, thể kế toán chi tiết, từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

❖ **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:**

- Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DNN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Bảng cân đối số phát sinh.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

Tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh áp dụng phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả.

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản ...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

- Đối với người mua: Với những khách hàng là cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay với khách hàng thường xuyên, mua hàng với số lượng lớn công ty có thể áp dụng phương thức chậm trả.

- Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ. còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy từng trường hợp cụ thể.

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị từ 20.000.000đồng trở lên doanh nghiệp buộc phải chuyển khoản, dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt theo thỏa thuận.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

➤ Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:

- *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

- + *Tài khoản sử dụng:*

TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng.

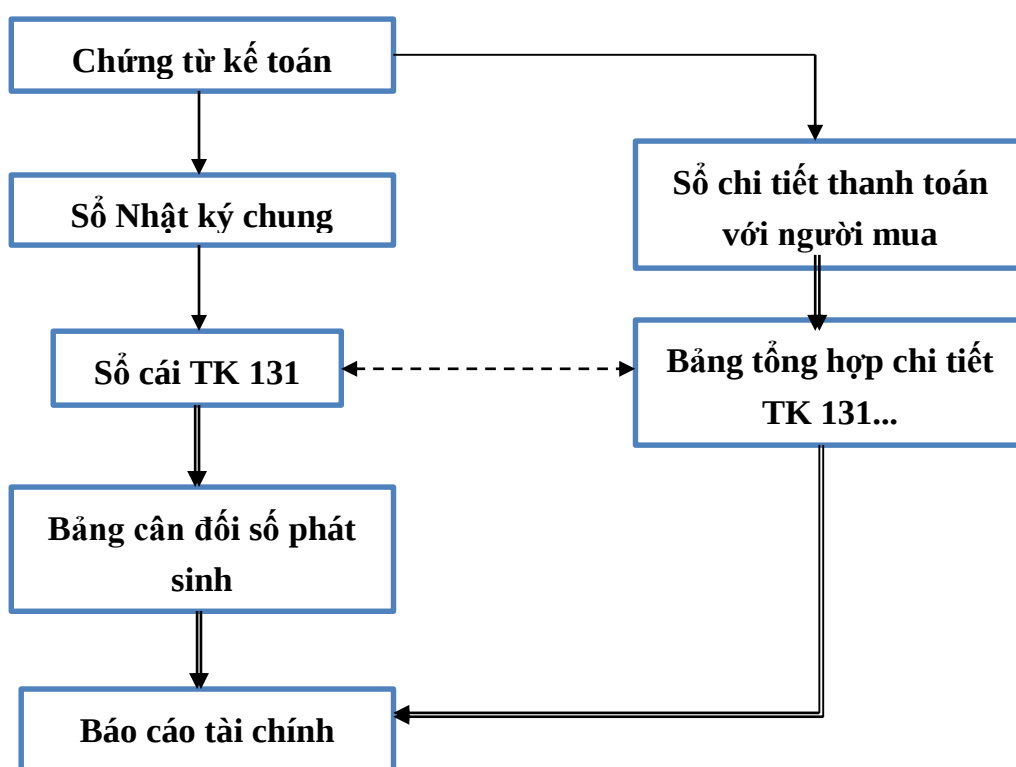
- *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung

- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi định kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản nợ phải thu cho từng khách hàng.

- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng sẽ được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2016, theo hóa đơn GTGT số 0000322 công ty xuất bán máy biến áp CHV100 cho Công ty TNHH Hoàng Cường với thuế GTGT 10%, chưa thu tiền.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000322 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.8).

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 000322

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: NM/16P																
Ngày 01 tháng 12 năm 2016			Số: 0000322																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH Mã số thuế: 0200992014 Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng Điện thoại: 0313 530 966 Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH HOÀNG CƯỜNG Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> </tr> </table> Địa chỉ: số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....						0	1	0	0	9	5	8	7	5	3	—	—	—	—
0	1	0	0	9	5	8	7	5	3	—	—	—	—						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Máy biến áp	máy	1	135.000.000	135.000.000														
Cộng tiền hàng					135.000.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		13.500.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					148.500.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./</i>																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

Ví dụ 2: Ngày 18/12/2016, Công ty TNHH Hoàng Cường ứng trước tiền hàng cho những đợt hàng tiếp theo số tiền là 150.000.000đ bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH Hoàng Cường (biểu số 2.9), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH Hoàng Cường để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Kiểm soát

Ví dụ 3: Ngày 03/12/2016 Công ty TNHH Nam Anh thanh toán tiền khoản nợ tiền hàng theo HĐ 0000225 số tiền là 80.000.000đ bằng chuyển khoản.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH Nam Anh (biểu số 2.9), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở Công ty TNHH Nam Anh để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng

 Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh: EXIMBANK Lê Chân – Hải Phòng	GIẤY BÁO CÓ Ngày: 03/12/2016 Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh Mã số thuế: 0200992014 Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau: Số tài khoản ghi CÓ: 1258-0000-556-671 Số tiền bằng số: 80.000.000 Số tiền bằng chữ: <i>Tám mươi triệu đồng chẵn./</i> Nội dung: ## Công ty TNHH Nam Anh thanh toán tiền hàng ## Giao dịch viên Kiểm soát	Số: 356 Mã GDV: PHUCDTQTO Mã KH: 594256 Số GD: 1211121
---	---	---

Ví dụ 4: Ngày 09/12/2016 công ty bán chịu cho Công ty TNHH Nam Anh theo HĐ0000328 với tổng trị giá là 33.935.000 đồng (bao gồm cả thuế VAT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000328 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.9). Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), TK 511, TK 333.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000328

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: NM/16P																
Ngày 09 tháng 12 năm 2016			Số: 0000328																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH																			
Mã số thuế: 0200992014																			
Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng																			
Điện thoại: 0313 530 966																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nam Anh																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	5	5	7	3	3				
0	2	0	0	5	5	5	7	3	3										
Địa chỉ: Tầng 9 tòa nhà Hoàng Huy, số 116 Nguyễn Đức Cảnh, P. Cát Dài, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....																			
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Gỗ xẻ nan	Thanh	2000	15.425	30.850.000														
Cộng tiền hàng					30.850.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		3.085.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					33.935.000														
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi năm nghìn đồng chẵn.																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

Ví dụ 5: Ngày 26/12/2016, Công ty TNHH Nam Anh thanh toán công nợ cho công ty bằng chuyển khoản.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho công ty Công ty TNHH Nam Anh (biểu số 2.9), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH Nam Anh để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, phường
Quang Trung, quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đôi ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
01/12/2016	HĐ322	01/12/2016	Bán chịu máy biến áp cho cty TNHH Hoàng Cường	131 131	511 333	135.000.000 13.500.000
02/12/2016	HĐ323	02/12/2016	Bán chịu thang nhôm cho cty TNHH Nam Anh	131 131	511 333	17.350.000 1.735.000
03/12/2016	GBC356	03/12/2016	Cty TNHH Nam Anh thanh toán tiền nợ	112	131	80.000.000
...	...	...	...	...	...	...
09/12/2016	HĐ328	09/12/2016	Bán chịu Gõ ép thanh cho Cty TNHH Nam Anh	131 131	511 333	30.850.000 3.085.000
09/12/2016	HĐ330	09/12/2016	Bán chịu bộ điều khiển thang máy thông minh cho cty TNHH Hoàng Cường	131 131	511 333	112.506.000 11.250.600
...	...	...	...	...	...	...
18/12/2016	GBC390	18/12/2016	Cty TNHH Hoàng Cường ứng tiền hàng	112	131	150.000.000
...	...	...	...	...	...	...
26/12/2016	GBC400	26/12/2016	Cty TNHH Nam Anh thanh toán tiền hàng	112	131	215.500.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm			104.625.615.731

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7 : Trích sổ cái tài khoản 131

CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, phường
Quang Trung, quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		<u>1.555.660.517</u>	
		...	...	...	...
HD322	01/12/2016	Bán chịu máy biến áp cho cty TNHH Hoàng Cường	511 333	135.000.000 13.500.000	
...	...	...	...	...	...
GBC356	03/12/2016	Cty TNHH Nam Anh thanh toán tiền nợ	112	...	80.000.000
...	...	...	...	...	...
HD328	09/12/2016	Bán chịu Gõ ép thanh cho Cty TNHH Nam Anh	511 333	30.850.000 3.085.000	
		...	...	...	...
GBC390	18/12/2016	Cty TNHH Hoàng Cường ứng tiền hàng	112		150.000.000
...	...	...	...	...	...
GBC400	26/12/2016	Cty TNHH Nam Anh thanh toán tiền hàng	112		215.500.000
...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh năm		13.985.051.628	13.500.450.659
		Số dư cuối kỳ		<u>2.040.261.486</u>	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty TNHH HOÀNG CƯỜNG)

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Địa chỉ: Văn phòng đại diện số 21B/9/33 Kỳ Đồng, P. Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mẫu số S13 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC ngày
14/09/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng : Công ty TNHH Hoàng Cường

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>318.750.000</u>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/12	HĐ322	01/12	Bán chịu máy biến áp	511 333	135.000.000 13.500.000		192.300.000 206.100.000	
09/12	HĐ330	09/12	Bán chịu bộ điều khiển thông minh	511 333	112.506.000 11.250.600		318.606.000 329.856.600	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
18/12	GBC390	18/12	Ứng trước tiền hàng cho doanh nghiệp	112		150.000.000		150.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		5.225.855.800	5.408.131.800		
			Số dư cuối kỳ				<u>136.474.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Mở cho công ty TNHH NAM ANH)

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Mẫu số S13 - DNN

Địa chỉ: Văn phòng đại diện số 21B/9/33 Kỳ Đồng,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH NAM ANH

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/12	GBC356	03/12	Thanh toán tiền nợ cho doanh nghiệp	112		80.000.000	25.200.000	
09/12	HĐ328	09/12	Bán hàng gỗ ép cho công ty	511 333	30.850.000 3.085.000		55.600.000 58.640.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
26/12	GBC400	26/12	Trả tiền hàng cho doanh nghiệp	112		215.500.000	50.860.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		1.655.900.450	1.723.700.450		
			Số dư cuối kỳ					67.800.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua .

Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH SX lốp xe Bridgestone VN	-		553.050.000	465.550.000	87.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
4	Cty cổ phần xây lắp Hải Long	-		113.860.000	113.860.000	-	
...	...	...	...	...	...	...	
6	Cty TNHH Nam Anh	-		1.655.900.450	1.723.700.450		67.800.000
7	Cty TNHH MTV CK chính xác & TM Nhật Nam	2.970.000		6.791.400	9.761.400	-	
...	...	...	...	...	...	...	...
10	Cty TNHH Hoàng Cường	318.750.000		5.225.855.800	5.408.131.800	136.474.000	
..	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	1.721.160.517	165.500.000	13.985.051.628	13.500.450.659	2.300.261.486	260.000.000

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

➤ **Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng**

- Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:
 - + Hợp đồng mua bán
 - + Hóa đơn giá trị gia tăng
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
 - + Giấy đề nghị thanh toán
 - + Các chứng từ liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng:

TK 331 – Phải trả người bán.

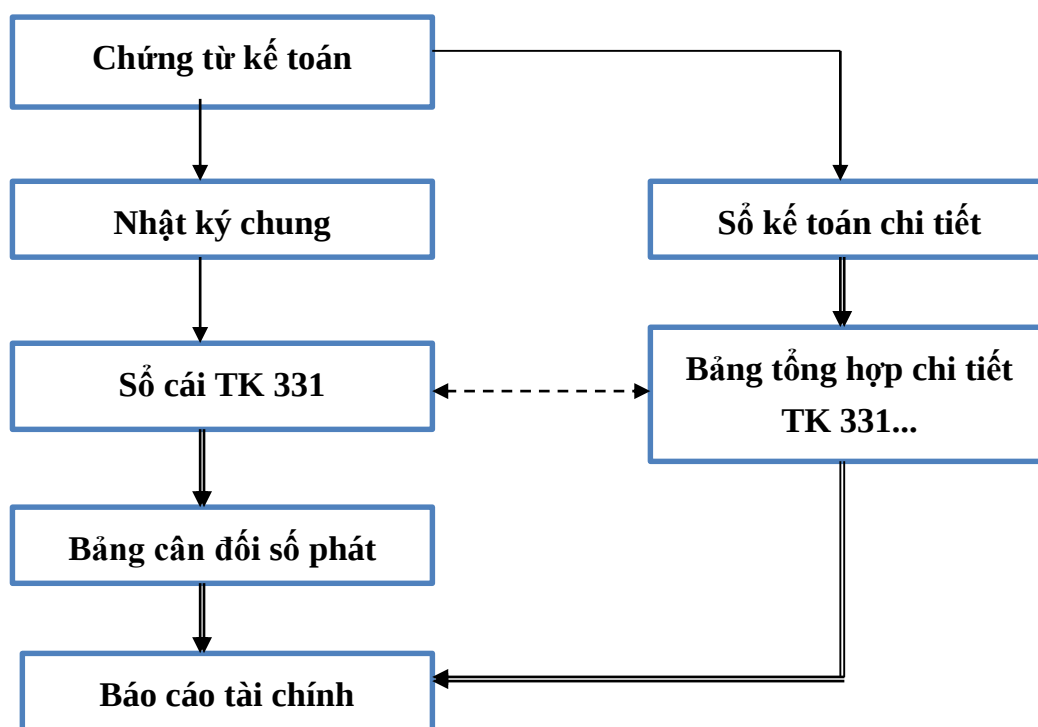
Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 156 : Hàng hóa
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:
 - + Nhật ký chung
 - + Sổ chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- =====→ : Ghi định kỳ
- ←-----→ : Đối chiếu kiểm tra

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 156, TK 133,...

- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331 để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2016, công ty mua đai thép, béc cút của công ty Cổ phần Thép AB theo hóa đơn GTGT số 0000455 với trị giá hàng mua chưa có VAT 10% là 30.250.000 đồng, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000455 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.19), sổ chi tiết TK 156. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.23), TK 156, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000455

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AB/16P																
Ngày 05 tháng 12 năm 2016			Số: 0000455																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP AB Mã số thuế: 0105619301 Địa chỉ: Khối trung lập, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội Điện thoại: 04 62535659 Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> </tr> </table> Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....						0	2	0	0	9	9	2	0	1	4	—	—	—	—
0	2	0	0	9	9	2	0	1	4	—	—	—	—						
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Đai Thép	Kg	400	61.000	24.400.000														
2	Béc cút	Bịch	200	29.250	5.850.000														
Cộng tiền hàng					30.250.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		3.025.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					33.275.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn</i>																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

Ví dụ 2: Ngày 21/12/2016, công ty thanh toán 100.000.000 đồng cho công ty Cổ phần Thép AB bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.19), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.23), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng

	Số: 367
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Mã GDV: PHUCDTQTO
Chi nhánh: EXIMBANK	Mã KH: 459687
Lê Chân – Hải Phòng	Số GD: 102563
GIẤY BÁO NỢ	
Ngày: 21/12/2016	
Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh	
Mã số thuế: 0200992014	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi NỢ : 1258-0000-556-671	
Số tiền bằng số: 100.000.000	
Số tiền bằng chữ: <i>Một trăm triệu đồng chẵn.</i>	
Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Thép AB ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Biểu số 2.13: Ủy nhiệm chi

		ỦY NHIỆM CHI		Số: 341 Ngày: 21/12/2016	
PAYMENT ORDER					
Số tiền: 100.000.000		VNĐ			
Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Thép AB				Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài	
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH Applicant: Số CMND: Ngày cấp: - Nơi cấp: Số tài khoản: 1258-0000-556-671 Tại NH: EXIMBANK Lê Chân – Hải Phòng			ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP AB Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0241-1020-844-995 Tại NH: EXIMBANK Ngô Quyền		
KẾ TOÁN TRƯỞNG		CHỦ TÀI KHOẢN		NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN Giao dịch viên Giao dịch viên	

Ví dụ 3: Ngày 08/12/2016. Công ty ứng trước tiền hàng cho công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền với số tiền 35.000.000đ, bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.20), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.23), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21).

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ của ngân hàng

	GIẤY BÁO NỢ	Số: 312
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngày: 08/12/2016	Mã GDV: PHUCDTQTO
Chi nhánh: EXIMBANK Lê Chân – Hải Phòng		Mã KH: 459687
		Số GD: 102563
Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh		
Mã số thuế: 0200992014		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi NỢ : 1258-0000-556-671		
Số tiền bằng số 35.000.000		
Số tiền bằng chữ: <i>Ba mươi năm triệu đồng chẵn.</i>		
Nội dung: ##Ứng trước tiền cho công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi

 ỦY NHIỆM CHI		Số: 305	
PAYMENT ORDER		Ngày: 08/12/2016	
Số tiền: 35.000.000		VNĐ	
Bằng chữ: Ba mươi năm triệu đồng chẵn. Nội dung: Ứng trước tiền cho công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền		Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài	
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH Applicant: Số CMND: Ngày cấp: - Nơi cấp: Số tài khoản: 1258-0000-556-671 Tại NH: EXIMBANK Lê Chân – Hải Phòng		ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CP KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI MINH HIỀN Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0011-0400-744-195 Tại NH: VIETCOMBANK Long Biên -HN	
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN <i>Giao dịch viên Giao dịch viên</i>			

Ví dụ 4: Ngày 09/12/2016, công ty mua chịu Bộ điều khiển thang máy thông minh của công ty CP Kỹ Thuật Thương Mại Minh Hiền theo hóa đơn GTGT số 0000680 với giá trị hàng mua chưa thuế VAT 10% là

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000680 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.20), sổ chi tiết TK 156. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.23), TK 156, TK 133.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 0000680

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: MH/16P																
Ngày 09 tháng 12 năm 2016			Số: 000680																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI MINH HIỀN																			
Mã số thuế: 0100706351																			
Địa chỉ: Số 88 Lê Thánh Tông , Q. Ngô Quyền , TP. Hải Phòng																			
Điện thoại: 03133899562																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">9</td> <td style="width: 20px;">9</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">1</td> <td style="width: 20px;">4</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	9	9	2	0	1	4				
0	2	0	0	9	9	2	0	1	4										
Địa chỉ: Số 21B/9/33 Kỳ Đông, P. Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng.																			
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....																			
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Bộ điều khiển thông minh	Bộ	1	75.050.000	75.050.000														
Cộng tiền hàng					75.050.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		7.505.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					82.555.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn.</i>																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

Ví dụ 5: Ngày 26/12/2016, công ty thanh toán 245.000.000 đồng cho công ty Cổ phần kĩ thuật thương mại Minh Hiền bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.20), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.23), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.17: Giấy báo nợ của ngân hàng

	GIẤY BÁO NỢ	Số: 373
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngày: 26/12/2016	Mã GDV: PHUCDTQTO
Chi nhánh: EXIMBANK		Mã KH: 459687
Lê Chân – Hải Phòng		Số GD: 102563
Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh		
Mã số thuế: 0200992014		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi NỢ : 1258-0000-556-671		
Số tiền bằng số: 245.000.000		
Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi năm triệu đồng chẵn./		
Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền ##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi

 ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số: 369 Ngày: 26/12/2016	
Số tiền: 245.000.000 VND		Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài	
Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi năm triệu đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần kỹ thuật thương mại Minh Hiền			
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH Applicant: Số CMND: Ngày cấp: - Nơi cấp: Số tài khoản: 1258-0000-556-671 Tại NH: EXIMBANK Lê Chân – Hải Phòng		ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CP KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI MINH HIỀN Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0011-0400-744-195 Tại NH: VIETCOMBANK Long Biên-HN	
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN <i>Giao dịch viên Giao dịch viên</i>			

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho công ty cổ phần Thép AB)

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Mẫu số S13 - DNN

Địa chỉ: Văn phòng đại diện số 21B/9/33 Kỳ Đồng,

P. Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty Cổ phần Thép AB

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<u>60.535.230</u>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
05/12	HĐ455	05/12	Cty mua đai thép , béc cúc	156 133		30.250.000 3.025.000		90.785.230 93.810.230
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/12	GBN367	21/12	Cty trả tiền hàng và ứng trước	112	100.000.000		60.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		443.256.230	314.986.000		
			Số dư cuối kỳ				<u>67.735.000</u>	

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền)

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Mẫu số S13 - DNN

Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, P. Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương Mại Minh Hiền

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					89.578.400
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/12	GBN312	08/12	Doanh nghiệp ứng tiền hàng	112	35.000.000		35.000.000	
09/12	HĐ680	09/12	Cty mua bộ điều khiển thang máy	156		75.050.000		40.050.000
				133		7.505.000		47.555.000
...	...	...	...	..	...	...	...	...
26/12	GBN373	26/12	Cty trả tiền hàng	112	245.000.000			108.400.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		4.985.705.100	5.026.528.000		
			Số dư cuối kỳ					130.401.300

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người bán, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp thanh toán với người bán.

Biểu số 2.21: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, P.Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP Thép AB		60.535.230	443.256.230	314.986.000	67.735.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
4	Công ty TNHH TM HOA BA		5.400.153	58.211.660	80.769.325		27.957.818
...	...	...	...	...	...	...	...
8	Công ty CP kỹ thuật thương mại Minh Hiền		89.578.400	4.985.705.100	5.026.528.000		130.401.300
...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	300.000.000	1.507.751.484	13.287.806.563	13.697.614.956	150.000.000	1.767.559.877

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.22: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, phường
Quang Trung, quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
05/12/2016	HD455	05/12/2016	Mua chịu đại thép , bếp cóc của cty CP thép AB	156 133	331 331	30.250.000 3.025.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12/2016	GBN112	08/12/2016	Ứng trước tiền cho cty Minh Hiền	331	112	35.000.000
09/12/2016	HD680	09/12/2016	Mua chịu bộ điều khiển của cty Minh Hiền	156 133	331 331	75.050.000 7.505.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12/2016	GBN167	21/12/2016	Trả tiền hàng cho cty Thép AB	331	112	100.000.000
...	...	...	..	...	..	...
25/12/2016	HD1601	25/12/2016	Mua dây hàn của cty Hoa Ba	156 133	331 331	66.330.000 6.633.000
26/12/2016	GBN213	26/12/2016	Thanh toán tiền cho cty Minh Hiền	331	112	245.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm			103.264.615.788

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái tài khoản 331

CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

Địa chỉ: Văn phòng đại diện Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, phường
Quang Trung, quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			<u>1.207.751.484</u>
		...	...	...	...
HĐ455	05/12/2016	Mua chịu đại thép , bếp cúc của cty CP thép AB	156 133		30.250.000 3.025.000
..	...	...	...	...	...
GBC112	08/12/2016	Ứng trước tiền cho cty Minh Hiền	112	35.000.000	
HĐ680	09/12/2016	Mua chịu bộ điều khiển của cty Minh Hiền	156 133		75.050.000 7.505.000
		...	...	...	...
GBN167	21/12/2016	Trả tiền hàng cho cty Thép AB	112	100.000.000	
...	...	...	...	...	...
GBN213	26/12/2016	Thanh toán tiền cho cty Minh Hiền	112	245.000.000	
...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh năm		13.287.806.563	13.697.614.956
		Số dư cuối kỳ			<u>1.617.559.877</u>

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí thương mại, hoạt động buôn bán thương mại. Trong thời kỳ kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn về thương mại. Mở rộng quy mô cũng như phát triển hệ thống nhà cung cấp và khách hàng. Vì vậy, kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng ngày càng hoàn thiện hơn.

Kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty TNHH Vũ Nhật Minh có cả ưu và nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán chính là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế và tìm cách khắc phục những điểm yếu để công tác quản lý tài chính ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

▪ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

▪ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, bố trí hợp lý, chặt chẽ, đơn giản gọn nhẹ nhưng hiệu quả
- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động, đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

▪ Về hình thức kế toán:

- Công ty áp dụng theo hình thức sổ “ Nhật ký chung ”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật

ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kiểm kê định kì. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

- **Về hệ thống tài khoản**

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

- **Về hệ thống chứng từ, báo cáo tài chính**

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- **Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:**

- Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời.

- Để tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, không làm gián đoạn quá trình kinh doanh của công ty, thực hiện thanh toán đúng thời hạn hợp đồng kinh tế

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi có nghiệp vụ thực tế phát sinh. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai.

Thứ hai, Về công tác thu theo dõi, thu hồi nợ và việc áp dụng các chính sách nhằm tăng cường công tác thu hồi nợ.

Công ty bán hàng cho khách hàng có thời hạn thanh toán dài nhưng công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để thu tiền sớm và điều này làm cho công ty thường xuyên lâm vào tình trạng thiếu vốn phải huy động bên ngoài, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

Thứ ba, Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi chép sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Hiện nay, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển hơn nữa. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại.

Để đạt được mục tiêu đó Công ty TNHH Vũ Nhật Minh phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng.

Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau thì mới đạt hiệu quả cao :

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn.

3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có

những mặt hạn chế. Vì vậy em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán tại công ty như sau:

➤ **Kiến nghị 1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.**

Hiện nay, Công ty TNHH Vũ Nhật Minh đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được.

- Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng: Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

- Điều kiện để trích lập dự phòng :

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- + Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

- Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 159 (1592), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 1592 : dự phòng phải thu khó đòi

+ **Bên nợ:**

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi.

+ **Bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Số dư bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:

+ Cuối năm tài chính N trước khi lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp cần phải tiến hành tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nếu có phát sinh.

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 1592- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ . Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có 131, 138 :

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Địa chỉ: Văn phòng đại diện số 21B/9/33 Kỳ Đồng, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2016

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ quá hạn	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ phần An Thái	71.000.000	1 năm 5 tháng 17 ngày	50%	35.000.000
2	Công ty TNHH Xây dựng Long Vinh	50.600.000	7 tháng 25 ngày	30%	15.180.000
...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	254.125.200	x	x	121.562.650

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2016 là: 121.562.650 đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 121.562.650

Có TK 159(2) : 121.562.650

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

➤ **Kiến nghị 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu.**

- *Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng của doanh nghiệp*

Đối với một công ty thương mại, hàng ngày xảy ra nhiều hoạt động mua bán xảy ra. Do vậy sẽ rất khó để kiểm soát được các khoản nợ và thanh toán nếu không có hồ sơ khách hàng rõ ràng. Với một hồ sơ khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục giúp người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của một khách hàng.

- *Đối chiếu công nợ định kì của doanh nghiệp*

Công ty phải thường xuyên đối chiếu công nợ định kì vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán. Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn, cũng như lên kế hoạch để thanh toán các khoản nợ người bán tránh để nợ bị quá hạn

Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ .

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh
01/BB/...

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, NgàyTháng ... Năm

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.
- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.

Hôm nay, ngày... tháng....năm Tại văn phòng Công ty, chúng tôi gồm có:

1. **Bên A (Bên mua):**

– Địa chỉ :.....

• MST

– Điện thoại : Fax:

– Đại diện : Chức vụ:

2. **Bên B (Bên bán):** Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

– Địa chỉ: Văn phòng đại diện số 21B/9/33 Kỳ Đồng, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

– Điện thoại : Fax:

– Đại diện : Bà Hoàng Thị Hằng Chức vụ: Kế Toán

Cùng nhau đối chiếu công nợ đến thời điểm ngày Tháng..... Năm.....

Công nợ đầu kỳ: ... đồng

Số phát sinh trong kỳ:

STT	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	PS Nợ	Ps Có
Tổng cộng					
Số dư cuối kì					

3. **Kết luận:** Tính đến hết ngày.. tháng Năm..... bên A phải thanh toán cho công ty TNHH Vũ Nhật Minh số tiền là:

– Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Vũ Nhật Minh không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

- *Chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.*

Chiết khấu thanh toán là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đây là một trong những yếu tố cần thiết để doanh nghiệp có thể cạnh tranh với các đối thủ khác.

Mục tiêu : Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán:

+ Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng BIDV tại ngày 31/12/2016 là 5.2% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
 - Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày.
 - Chiết khấu 0,7%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.
- + Căn cứ vào nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Phương pháp hạch toán:

- Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng
Có TK 131, 111, 112

Hiệu quả: Nó giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ **Kiến nghị 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.**

Phần mềm toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của Nhà Nước.

Tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán sẽ được tổng hợp dồn vào cuối tháng sẽ làm gia tăng công việc phải hoàn thiện, ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart

***Phần mềm kế toán MISA :** <http://www.misa.com.vn/>

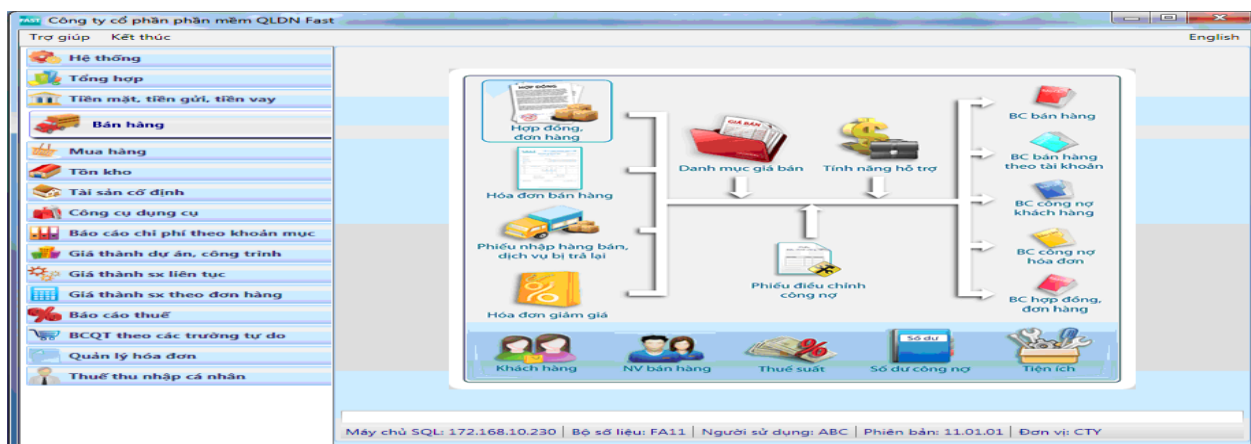


MISA SME.NET 2016 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2016 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với

dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

* Phần mềm kế toán Fast Accounting: <http://www.fast.com.vn>

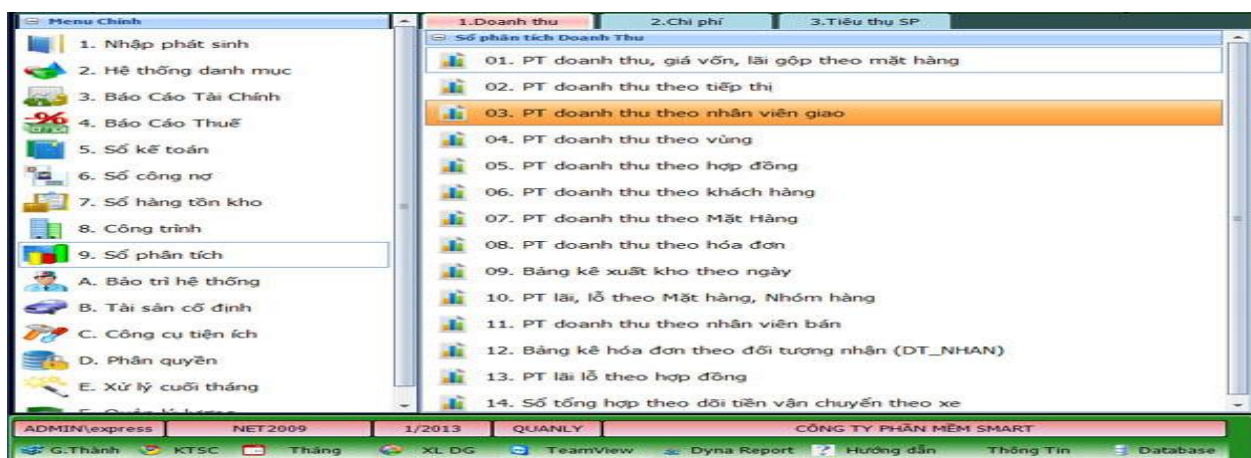


Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

* Phần mềm kế toán Smart: <http://www.smart.com.vn/>



Smart Pro phù hợp với các công ty sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ, vận tải, du lịch, nhà hàng, khách sạn, dược phẩm, thủy sản, xuất nhập

khẩu, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quản lý trực tiếp hai cấp (cấp tổng công ty và công ty thành viên).

Đối với các công ty, cá nhân làm dịch vụ kế toán thì Smart Pro hỗ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty không giới hạn, mỗi công ty là 1 Database độc lập, không giới hạn số lượng chứng từ nhập.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty.

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “***Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh***” có những vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh với số liệu năm 2016 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, đặc biệt đi sâu đánh giá công tác kế toán thanh toán với việc tăng cường và quản lý nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với việc tăng cường và quản lý công nợ tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

Kiến nghị 1: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Kiến nghị 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu và thu hồi sớm các khoản nợ.

Kiến nghị 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.

Do em chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý chân thành của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Vũ Nhật Minh đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo ThS. Nguyễn Văn Thụ để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Vũ Thị Quyên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khóa luận tốt nghiệp của các anh (chị) khóa trên trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
2. Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, cũng như hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
3. Thông tư TT228/TT-BTC về trích lập dự phòng phải thu.
4. Sách “*Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa sửa đổi bổ sung*”, NXB Tài Chính, năm 2014.
5. Các tài liệu khác trên internet.